

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS-PT

Ngày: 10 -3-2021

V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

*Các Thẩm phán:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

Ông Lê Minh Đạt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Kim L, sinh năm: 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà T, ông H: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1962; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021). (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường PK, thành phố Bến Tre.

2. Chị Đỗ Thị L, sinh năm: 1964; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PX, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị L1, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: ấp PK, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo:

1. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T;

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Kim L trình bày:*

Từ năm 2017 bà tham gia chơi các dây hội do bà Nguyễn Thị Kim T làm chủ hội. Cụ thể như sau:

Dây 1: Hội 2.000.000đ, khai ngày 20/10/2017 (âm lịch), hội gồm 20 hội viên, hội mần vào ngày 20/5/2019, hội khai mỗi tháng 01 lần, bà tham gia chơi 02 phần. Đến ngày 20/11/2018 bà hốt hội nhưng số tiền hốt được bao nhiêu bà không nhớ. Bà đóng hội đến ngày 20/01/2019 thì không đóng nữa vì bà T tuyên bố vỡ hội. Bà còn phải đóng cho bà T 04 tháng tiền hội chết với số tiền là 8.000.000đồng. Phần hội sống bà đóng tới ngày 20/01/2019. Ngày 30/01/2019 âm lịch bà T tuyên bố vỡ hội bà đóng được 16 tháng. Bà T còn nợ lại bà số tiền hội là: 2.000.000đồng x 16 tháng = 32.000.000đồng. Bà còn nợ lại bà T số tiền hội chết của 04 tháng chưa đóng là 8.000.000đồng. Như vậy số tiền hội bà T còn nợ lại bà là : 32.000.000đồng - 8.000.000đồng = 24.000.000đồng.

Dây 2: Hội 2.000.000đ, khai ngày 10/6/2018 (âm lịch), hội gồm 20 hội viên, hội mần vào ngày 10/01/2020, hội khai mỗi tháng 01 lần, bà tham gia chơi 02 phần, bà đóng hội cho bà T đến ngày 30/01/2019 âm lịch bà T tuyên bố vỡ hội, bà đóng cho bà T được 08 tháng tiền hội với số tiền là: 2.000.000đồng x 02 phần x 08 tháng = 32.000.000đồng.

Dây 3: Hụi 2.000.000đ, khai ngày 25/02/2018 (âm lịch), hụi gồm 20 hụi viên, hụi mẫn vào ngày 25/9/2019, hụi khai mỗi tháng 01 lần, bà tham gia chơi 02 phần, bà đóng hụi đến ngày 30/01/2019 âm lịch bà T tuyên bố vỡ hụi, bà đóng cho bà T được 12 tháng tiền hụi với số tiền là : 2.000.000đồng x 02 phần x 12 tháng = 48.000.000đồng.

Dây 4: Hụi 2.000.000đ, khai ngày 06/9/2018 (âm lịch), hụi gồm 20 hụi viên, hụi mẫn vào ngày 06/4/2020, hụi khai mỗi tháng 01 lần, bà tham gia chơi 02 phần, bà đóng hụi đến ngày 30/01/2019 âm lịch bà T tuyên bố vỡ hụi, bà đóng cho bà T được 05 tháng tiền hụi với số tiền là: 2.000.000đồng x 02 phần x 05 tháng = 20.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà T còn thiếu bà là: 24.000.000đồng + 32.000.000đồng + 48.000.000đồng + 20.000.000đồng = 124.000.000đồng. Sau đó bà T có viết cho bà tờ giấy chốt số tiền hụi còn nợ bà là 124.000.000đồng nhưng trong tờ giấy chốt tiền nợ hụi bà T ghi viết tắt số tiền là 124. Vì trước giờ bà T cũng viết tắt tiền như vậy nên bà tin tưởng và không có yêu cầu bà T viết lại cho đầy đủ. Sau đó bà T có trả cho bà được số tiền nợ hụi là 18.000.000đồng. Như vậy bà T còn thiếu bà số tiền nợ hụi là 106.000.000đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 106.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

*Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2020 bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà biết việc bà L đang khởi kiện bà T số tiền nợ hụi là 106.000.000đồng. Bà có nhận được thông báo thụ lý, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng bà đã ủy quyền cho ông Lưu Hồng P để giải quyết vụ án. Do đó các lần tòa án mời, bà không đến. Đối với số tiền bà L đang khởi kiện bà 106.000.000đồng bà không trình bày ý kiến để xuống Tòa án giáp mặt bà L thì bà trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T và ông H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đồng thời cũng không thể tiến hành hòa giải được.

*Tại đơn xác nhận ngày 29/7/2020 bà Đỗ Thị L trình bày:*

Bà có tham gia 02 phần hụi trong 02 dây hụi do bà T làm chủ gồm: Dây hụi 2.000.000đồng khai ngày 06/9/2018 và dây hụi 2.000.000đồng khai ngày 25/02/2018. Nhưng do khả năng kinh tế không đáp ứng được nên bà đã bán cho bà Đỗ Kim L (tên thường gọi là P1) 02 phần hụi trên. Bà xác nhận 02 phần hụi trên là của bà Đỗ Kim L nên bà không có liên quan gì trong vụ kiện tranh chấp hụi giữa bà Đỗ Kim L với bà Nguyễn Thị Kim T. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bà sẽ không khiếu nại gì về sau.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT đã quyết định như sau:*

- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường.

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim L. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Kim L số tiền nợ hộ là 106.000.000đồng ( Một trăm lẻ sáu triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Kim L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người làm chứng là bà Trần Thị L1 trình bày:* Bà có tham gia chơi hộ cùng với bà Đỗ Kim L các dây hộ do bà Nguyễn Thị Kim T làm chủ. Còn việc bà L hốt hộ như thế nào, bà T còn nợ bà L bao nhiêu tiền hộ thì bà không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Kim L. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Kim L số tiền nợ hui là 106.000.000đồng ( Một trăm lẻ sáu triệu đồng) là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Đỗ Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H liên đới trả cho bà số tiền nợ hui 106.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là các danh sách hui, cụ thể như sau: Danh sách hui ngày 10/6/2018 có 20 phần, bà P1 tham gia chơi 02 phần, danh sách hui ngày 20/10/2017 có 20 phần, bà P1 tham gia chơi 02 phần, danh sách hui ngày 25/02/2018 có 20 phần, bà P1 tham gia chơi 01 phần, danh sách hui ngày 06/9/2018 có 20 phần, bà P1 tham gia chơi 01 phần. Giấy xác nhận ngày 29/7/2020 của bà Đỗ Thị L là hui viên của 02 dây hui do bà T làm chủ thể hiện: Bà Đỗ Thị L có bán cho bà Đỗ Kim L (tên thường gọi là P1) 02 phần hui 2.000.000đồng khui ngày 06/9/2018 và ngày 25/02/2018, giấy xác nhận này phù hợp lời trình bày của bà Đỗ Kim L. Vì vậy, có cơ sở xác định bà L có tham gia 04 dây hui mệnh giá 2.000.000đồng do bà T làm chủ khui vào các ngày: 20/10/2017, 25/02/2018, 10/6/2018, 06/9/2018 âm lịch. Mỗi dây hui bà L tham gia chơi 02 phần.

[2] Bà L cho rằng sau khi bẻ hui bà T có chốt cho bà số tiền nợ hui là 124.000.000đồng, nhưng trong tờ giấy chốt hui ghi tắt số tiền 124.000.000đồng là số 124. Lời trình bày này phù hợp với xác nhận của bà Trần Thị L1, ông Võ Huy H1, bà Trần Thị Ngọc D1 là những hui viên cùng tham gia chơi hui đối với các dây hui bà L khởi kiện do bà T làm chủ hui. Giấy chốt hui là do bà T đưa

cho hội viên sau khi bề hội, những con số nói trên đơn vị là hàng triệu do bà T viết tắt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo số 257/TB-TA ngày 21/7/2020 yêu cầu bà T giao nộp chứng cứ chứng minh không có nợ bà L số tiền 106.000.000 đồng, yêu cầu bà T cung cấp họ tên địa chỉ của những hội viên đối với các dây hội trên nhưng hết thời hạn cung cấp chứng cứ theo thông báo của Tòa án, bà T vẫn không cung cấp chứng cứ chứng minh, cũng không cung cấp họ tên địa chỉ của tất cả những hội viên trong dây hội bà T làm chủ mà bà L đang khởi kiện. Trong suốt quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, Tòa án cũng tổng đạt các thông báo mời tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H nhưng bà T, ông H không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích của mình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn giao nộp để xác định, sau khi tuyên bố vỡ hội bà T còn nợ bà L số tiền hội là 124.000.000 đồng là phù hợp. Bà L thừa nhận bà T trả cho bà 18.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm xác định bà T còn thiếu bà L số tiền nợ hội 106.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Bà L khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn H liên đới cùng bà T trả cho bà L số tiền nợ hội trên. Xét thấy, Bà T, ông H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Thời điểm bà T làm hội đến nay bà T, ông H vẫn còn sống chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, quyết định xét xử, nhưng ông H vắng mặt không lý do không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Theo quy định tại Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014 ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số tiền 106.000.000 đồng cho bà L. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H mỗi người phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Cụ thể tuyên:

- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phưong.

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim L. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Kim L số tiền nợ hui là 106.000.000đồng ( Một trăm lể sáu triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H phải liên đới chịu án phí số tiền 5.300.000đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004681 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004680 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi*

*hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**